

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**

**Quality Assurance & Testing Center 3 (QUATEST 3)**

**49 Pasteur, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh – Tel 028.3829 4274 Fax: 028.38293012**



**BGNV 01:2020/N7**

**NĂNG LỰC CUNG CẤP DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH/ KIỂM ĐỊNH/ CHỨNG NHẬN  
INSPECTION/ VERIFICATION/ CERTIFICATION CAPACITY**

**Ban hành theo Quyết định số 2272/QĐ-KT3**

*Issued together with Decision No. 2272 /QĐ-KT3*

**Ngày 20 tháng 10 năm 2020**

*October 20, 2020*

**TP Hồ Chí Minh – 2020**

**Mọi sao chép, chuyển giao phải được sự đồng ý của Giám đốc QUATEST 3**

*All copies and transferences must be approved by the Direct*

## I. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM / PRODUCT CERTIFICATION PROCEDURE

STT No.	Các bước thực hiện <i>Process</i>	Loại hình đánh giá <i>Audit type</i>			
		Chứng nhận lần đầu <i>Initial</i> (1)	Giám sát <i>Surveillance</i> (2)	Chứng nhận mở rộng <i>Extension</i> (3)	Chứng nhận lại <i>Re-certification</i> (4)
1	Đăng ký hồ sơ: <i>Registration:</i>	√	-	√	√
2	- Hướng dẫn thủ tục đăng ký <i>Instruction on registration</i>	√	-	-	-
	- Đánh giá sự phù hợp của hồ sơ <i>Conformity assessment of registered documents</i>	√	-	√	√
	- Phân nhóm sản phẩm đăng ký chứng nhận. Chuẩn bị phương án lấy mẫu <i>Grouping of registered products. Preparation for sampling plan</i>	√	√	√	√
	- Xây dựng quy trình chứng nhận <i>Set up certification procedure</i>	√	-	√	-
3	Khảo sát ban đầu tại cơ sở (nếu cần thiết) <i>Initial survey at factory (if necessary)</i>	(√)	-	-	-
4	Đánh giá sơ bộ tại cơ sở theo yêu cầu (nếu cần thiết) <i>Preliminary audit at the factory as per request (if necessary)</i>	(√)	-	-	-
5	Xử lý kết quả hồ sơ đánh giá sơ bộ <i>Handling of preliminary audit result</i>	(√)	-	-	-
6	Chuẩn bị chương trình đánh giá chính thức: <i>Preparation for official audit:</i> - Gửi công văn thông báo đánh giá <i>Sending letter to inform audit</i> - Quyết định cử đoàn đánh giá <i>Decision on audit team designation</i> - Lập chương trình đánh giá <i>Set up audit agenda</i>	√	√	√	√

STT No.	Các bước thực hiện <i>Process</i>	Loại hình đánh giá <i>Audit type</i>			
		Chứng nhận lần đầu <i>Initial</i> (1)	Giám sát <i>Surveillance</i> (2)	Chứng nhận mở rộng <i>Extension</i> (3)	Chứng nhận lại <i>Re-certification</i> (4)
	- Lập kế hoạch lấy mẫu khi đánh giá <i>Set up sampling plan</i>				
7	Đánh giá chính thức tại cơ sở: <i>Official audit at factory:</i>	√	√	√	√
	- Đánh giá điều kiện sản xuất tại cơ sở <i>Site-Audit on Quality Assurance System</i>	√	√	√	√
	- Lấy mẫu sản phẩm <i>Sampling products</i>	√	√	√	√
8	Xử lý kết quả đánh giá: <i>Handling audit result:</i>	√	√	√	√
	- Xử lý kết quả đánh giá điều kiện sản xuất <i>Handling audit result on Quality Assurance System</i>	√	√	√	√
	- Xử lý và thẩm tra hành động khắc phục, nếu có <i>Handling and verifying corrective actions, if happen</i>	√	√	√	√
	- Xử lý kết quả thử nghiệm mẫu (kể cả lấy mẫu lần 2 và xử lý kết quả khắc phục) <i>Handling testing result (including the 2<sup>nd</sup> sampling and handling corrective action results)</i>	√	√	√	√

1.9	- Hoàn tất hồ sơ đánh giá: <i>Completing audit record:</i> - Trình thẩm xét hồ sơ <i>Verification</i> - Cấp Quyết định chứng nhận, Giấy chứng nhận, dấu chứng nhận <i>Issue Decision, Certificate &amp; certification mark</i>	√	-	√	√
	- Cấp thông báo duy trì chứng nhận (đối với đánh giá giám sát) <i>Issue letter of certification maintenance (for surveillance audit)</i>	-	√	-	-
Tổng số ngày công <i>Total No. of manday</i>					

## II. CHI TIẾT PHÍ ĐÁNH GIÁ / *DETAILS OF AUDIT FEE*

- 1) **Phí CNSP (phương thức 2 đến 6) = Tổng số ngày công thực hiện x Đơn giá ngày công**  
*Certification fee (scheme 2 to scheme 6) = Sum of manday x Unit price of manday*

- 2) **Phí CNSP chưa tính phí thử nghiệm trong quá trình chứng nhận. Phí thử nghiệm tính theo Bảng giá Khôi Thử nghiệm**

*The product certification fee does not include testing fee during the certification process. Testing fee shall be calculated in accordance with quotation of the Testing Division*

- 3) **Ngày công thực hiện trong bảng I. CHI TIẾT NGÀY CÔNG tính với cơ sở có 01 địa điểm sản xuất. Khi có nhiều địa điểm sản xuất có cùng tổ chức, cơ cấu, chức năng thì ngày công thực hiện cho mỗi địa điểm sản xuất tăng thêm sẽ bằng 0,6 x tổng số ngày công đánh giá của địa điểm sản xuất đầu tiên.**

*Manday for the above certification charge is calculated on the basis of 01 manufacturing location. As there are many manufacture locations with the same organization, structure, function, manday for every additional location shall be 0.7 x sum No. of mandays for the 1<sup>st</sup> location.*

- 4) **Phí đánh giá giám sát định kỳ tính bằng (0,5-0,6) phí đánh giá chứng nhận lần đầu:**

- ≤ 10 loại sản phẩm: phí giám sát = 0,6 lần phí đánh giá chứng nhận lần đầu
- > 10 loại sản phẩm: phí giám sát = 0,5 lần phí đánh giá chứng nhận lần đầu

*Periodic surveillance fee is estimated (0,5-0,6) of initial audit fee:*

- ≤ 10 product types: surveillance fee = 0,6 x initial fee
- > 10 product types: surveillance fee = 0,5 x initial fee

- 5) **Phí đánh giá mở rộng, phí đánh giá lại có xem xét giảm các nội dung đánh giá so với toàn bộ nội dung trong đánh giá chứng nhận lần đầu. Phí đánh giá thực tế sẽ giảm tương ứng.**

*Extension fee, re-certification fee will be considered to decrease audit contents compared with full contents in initial audit. Those audit fees will be decreased correspondingly based on actual application.*

- 6) **Chi phí trên chưa bao gồm thuế VAT, phí thử nghiệm mẫu cho các đợt đánh giá, chi phí đi lại, công tác phí và chi phí lưu trú cho đoàn chuyên gia trong thời gian đánh giá tại nơi sản xuất.**

*The above assessment fees do not include: VAT (5%), testing fees for the audits, travel and accommodation fees for 02 experts during the evaluation process.*